

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa
hư hỏng kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã,
xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình; Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 11/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí tu sửa, khắc phục các công trình bị thiệt hại do thiên tai cuối năm 2018 và năm 2019 từ nguồn của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1662/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020 và Tờ trình số 437/TTr-CCTL ngày 08/5/2020 của Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư hỏng kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình tu sửa hư

hông kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Tu sửa hư hỏng kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.

2. Tên chủ đầu tư: Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và xây dựng Đại Thanh.

4. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn cho công trình, chủ động ứng phó với mưa, lũ năm 2020.

5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư:

- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: $P = 95\%$.
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: $P = 1\%$.
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,2$.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	104,8
2	Cao trình đỉnh đồng đá chân kè	m	+3.50
3	Chiều rộng đồng đá chân kè phần mở rộng	m	(0,5÷2)
4	Hệ số mái chân kè		1,5

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Nội dung đầu tư: Tu sửa đồng đá chân kè với chiều dài 104,8 m; điểm đầu tuyến tại cọc 4 (tương ứng K26+606) và điểm cuối tuyến tại cọc 14 (tương ứng K26+710,8), đê tả sông Mã.

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- Vị trí, hướng tuyến kè: Theo hướng tuyến kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã hiện có.

- Trên cơ sở hiện trạng giữ nguyên gia cố đỉnh và mái kè; mở rộng mặt đồng đá chân kè bằng đá hộc thả rời; mặt và mái đồng đá chân kè phần mở rộng từ cao trình đỉnh đồng đá (+3.50) m xuống đến cao trình (+3.00) m bằng đá hộc lát khan dày 30 cm chêm chèn chặt.

- Dốc phục vụ thi công: Tận dụng dốc xuống bên bờ nằm sát công trình tại cọc 23 (tương ứng K26+790, đê tả sông Mã).

7. Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp IV.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.

9. Diện tích sử dụng đất: Xây dựng trên diện tích công trình hiện có.

10. Tổng mức đầu tư: **750,0 triệu đồng;**

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	627,8 triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	16,2 triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	84,6 triệu đồng;

Chi phí khác: 13,9 triệu đồng;
Chi phí dự phòng: 7,5 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư: Từ Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh.

12. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

13. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, yêu cầu Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1662/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 08/5/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**Công trình tu sửa hư hỏng kè Vĩnh An 2 đoạn từ K26+542-K26+750, đê tả sông Mã,
xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	Chi phí xây dựng (Gxd)		627,8
	Xây lát kè		627,767
II	Chi phí quản lý dự án	3,108% x 0,8 x Gxd/1,1	16,2
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		84,6
1	Chi phí khảo sát xây dựng	QĐ số 1112/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	27,216
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		38,130
3	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng		1,108
4	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,598% x Gxd	18,121
IV	Chi phí khác		13,9
1	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019% x TMĐT	0,143
2	Chi phí bảo hiểm công trình	1,04% x Gxd	6,529
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan nhà nước	Tạm tính	3,000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,570% x (TMĐT-DP)	4,232
V	Chi phí dự phòng		7,5
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	1% x (I+II+III+IV)	7,537
	Tổng cộng		750,0